

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 /05/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Ông Ngô Văn Lưu

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/05/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2025/TLST – HNGĐ ngày 22/04/2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/05/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1995. Có mặt

HKTT: Khu Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thúy H, Luật sư, Công ty L - chi nhánh tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993. Có mặt

HKTT: Khu Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn ngày 22/09/2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu sau đó cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng có về chung sống với nhau tại nhà chồng ở khu Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T1 chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2024 đến nay.

Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/01/2017 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/12/2018. Chị T đề nghị nuôi cháu Q, đề nghị giao cháu N cho anh T1 chăm sóc nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh xác nhận thời gian, hoàn cảnh kết hôn, con chung như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì không có tiếng nói chung. Vợ chồng không ly thân, vẫn ở chung nhà, chung phòng đến nay. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh T1 không đồng ý ly hôn do vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng để dẫn đến ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/01/2017 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/12/2018. Anh T1 không đồng ý yêu cầu của chị T, anh T1 đề nghị nuôi cả hai con do hiện tại anh T1 ở cùng bố mẹ, có nhà tại Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, đang đi làm tại KCN Đ, phường T, thành phố T, Bắc Ninh, chị T không có nhà riêng tại Bắc Ninh, bố mẹ đẻ ở tỉnh Tuyên Quang nên chị T không có đủ điều kiện đảm bảo chăm sóc con cái. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn với anh T1, đề nghị được nuôi cháu Q, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Luật sư H trình bày: Tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đề nghị cho chị T ly hôn. Cháu N nguyện vọng ở với anh T1, cháu Q có nguyện vọng ở với chị T, đề nghị giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Không đồng ý ly hôn vì không muốn hai con được ở chung với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/01/2017 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T1, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 22/09/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T1 xác nhận vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2024 và sống ly thân nhưng anh T1 không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị T, anh T1 đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/01/2017 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/12/2018. Chị T đề nghị chăm sóc cháu Q, giao cháu N cho anh T1 chăm sóc; anh T1 đề nghị chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, cháu Q và cháu N đều trên 7 tuổi, cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ, cháu N có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Q cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14/01/2017 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000359 ngày 17/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp

Ngô Văn Lưu

Vũ Thu Trang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- UBND phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Trang

